

CHUẨN ĐẦU RA
Đối với khối học văn Ngành (66 Tín chỉ)

**Bảng ma trận các tiêu chuẩn, tiêu chí, thể hiện
của năng lực thực hiện (chỉ báo) và mã chuẩn đầu ra (tiêu chuẩn 4)**

Tiêu chí	Chỉ báo	Thể hiện
Tiêu chí 1: Năng lực TĐTT	1.1 Vận dụng được các thành tố của Năng lực chăm sóc sức khỏe.	1.1.1. Phân tích được cơ sở khoa học của vệ sinh cá nhân và vệ sinh trong tập luyện thể dục thể thao.
		1.1.2. Giải thích được cơ sở lựa chọn chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng khác nhau trong tập luyện TĐTT và đời sống hằng ngày để bảo vệ và tăng cường sức khỏe.
		1.1.3. Có khả năng tổ chức được hoạt động rèn luyện và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
	1.2. Vận dụng được các thành tố của Năng lực vận động cơ bản và hoạt động TĐTT.	2.1.1. Đánh giá được tầm quan trọng của các hoạt động vận động và TĐTT đối với việc phát triển kỹ năng vận động, các tố chất thể lực và thành tích thể thao.
		2.1.2. Biết lựa chọn các hình thức và nội dung tập luyện thể dục thể thao phù hợp với từng đối tượng để hoàn thiện kỹ năng vận động và phát triển các tố chất thể lực và thành tích thể thao đáp ứng yêu cầu cuộc sống hiện đại.
	1.3. Vận dụng được các thành tố của Năng lực giải quyết vấn đề TĐTT.	1.3.1. Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng TĐTT. Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề đó.
		1.3.4. Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.
	1.4. Vận dụng được các thành tố của Năng lực giao tiếp TĐTT.	1.4.1. Hiểu được các thông tin TĐTT cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản TĐTT hay do người khác nói hoặc viết ra.
		1.4.2. Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp TĐTT trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác).
		1.4.3. Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ TĐTT kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình

		<p>thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng TĐTT trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác.</p>
		<p>1.4.4. Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến TĐTT.</p>
	<p>1.5. Vận dụng được các thành tố của Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện TĐTT.</p>	<p>1.5.1. Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ, phục vụ cho công tác GDTC và HLTT.</p>
		<p>1.5.2. Sử dụng được các công cụ, phương tiện TĐTT, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ y- sinh để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề TĐTT (phù hợp với đặc điểm nhận thức lứa tuổi).</p>
		<p>1.5.3. Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.</p>
<p>Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức TĐTT để giải thích được các nội dung dạy học của CT môn GDTC trong CT GDPT</p>	<p>2.1. Tóm tắt và phân tích được toàn bộ chương trình môn GDTC phổ thông một cách chính xác, đúng bản chất trong một chỉnh thể thống nhất của TĐTT.</p>	<p>2.1.1. Trình bày được một cách chính xác những vấn đề lý luận cơ bản về chương trình môn GDTC phổ thông như: quan điểm xây dựng chương trình môn GDTC; mục tiêu chung và mục tiêu của từng cấp học; yêu cầu cần đạt về năng lực thể chất; phương pháp dạy học và đánh giá.</p>
		<p>2.1.2. Giải thích được một cách chính xác, đúng bản chất cấu trúc nội dung của chương trình môn GDTC phổ thông trong một chỉnh thể thống nhất của TĐTT (sự phát triển của từng mạch nội dung trong chương trình môn GDTC phổ thông và mối liên kết giữa các mạch nội dung đó).</p>
		<p>2.1.3. Trình bày được một cách chính xác những vấn đề lý luận cơ bản về dạy học phát triển năng lực cho học sinh trong chương trình môn GDTC phổ thông.</p>
		<p>2.1.4. Thực hiện (và dạy học) được một số bài soạn cụ thể nhằm phát triển năng lực cho học sinh trong những tình huống dạy học điển hình.</p>

		<p>2.1.5. Trình bày được một cách chính xác những vấn đề lý luận cơ bản về dạy học ứng dụng TĐTT vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn trong chương trình môn GDTC phổ thông thông qua việc sử dụng được các tri thức giáo dục tổng quát.</p>
		<p>2.1.6. Trình bày được một cách chính xác những vấn đề lý luận cơ bản về dạy học tích hợp trong chương trình môn GDTC phổ thông thông qua việc sử dụng được các tri thức giáo dục tổng quát.</p>
		<p>2.1.7. Thể hiện được sự hiểu biết cơ bản về các môn học có liên quan mật thiết với nội dung chương trình môn GDTC phổ thông.</p>
		<p>2.1.8. Xác định được các kiến thức liên môn trong dạy học chương trình môn GDTC phổ thông.</p>
	<p>2.2. Giải thích được các nội dung trong chương trình môn GDTC phổ thông bằng cách vận dụng tri thức TĐTT được trang bị ở bậc đại học.</p>	<p>2.2.1. Giải thích được các khái niệm (Quan niệm, khái niệm, định nghĩa,...) trong chương trình môn GDTC phổ thông ở mức độ tri thức TĐTT bậc đại học.</p>
		<p>2.2.2. Giải thích được các kết quả TĐTT định tính và định lượng trong chương trình môn GDTC phổ thông ở mức độ học vấn TĐTT bậc đại học.</p>
		<p>2.2.3. Sử dụng được các nội dung trong chương trình môn GDTC phổ thông để hỗ trợ tiến trình học tập ở bậc đại học.</p>
	<p>2.3. Có khả năng phát triển Chương trình môn GDTC phổ thông bằng cách vận dụng tri thức TĐTT được trang bị ở bậc đại học.</p>	<p>2.3.1. Thể hiện được những đánh giá khách quan, khoa học về chương trình môn GDTC phổ thông hiện hành.</p>
		<p>2.3.2. Trình bày được một cách chính xác những vấn đề lý luận cơ bản về Chương trình địa phương/Chương trình nhà trường, đặc biệt là Chương trình nhà trường về môn GDTC.</p>
		<p>2.3.3. Thực hiện được việc điều chỉnh, đổi mới chủ đề hoặc mạch kiến thức, kỹ năng trong chương trình môn GDTC phổ thông cho phù hợp với mục tiêu, yêu</p>

		cầu thực tiễn của địa phương và nhà trường, đặc điểm của HS.	
<p>2.4. Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn GDTC phổ thông thông qua các tham chiếu:</p> <p>+ Đáp ứng mục tiêu dạy học môn GDTC ở trường phổ thông.</p> <p>+ Vị trí trong bức tranh chung của TĐTT và xu thế phát triển của TĐTT.</p> <p>+ Vị trí trong tiến trình hình thành nội dung Chương trình môn GDTC và trong lịch sử hình thành hệ thống tri thức TĐTT của loài người.</p> <p>+ Vị trí, vai trò của tri thức TĐTT đó trong mối quan với các môn học khác, cũng như trong Chương trình giáo dục phổ thông.</p>	2.4.1. Giải thích được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn GDTC phổ thông đáp ứng mục tiêu dạy học môn GDTC ở trường phổ thông.	2.4.2. Giải thích được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn GDTC phổ thông đáp ứng những điểm nào cho yêu cầu cần đạt của chương trình.	
	2.4.3. Giải thích được vị trí của từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn GDTC phổ thông theo logic phát triển nội dung trong chương trình môn GDTC phổ thông.	2.4.4. Giải thích được vị trí, vai trò của từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn GDTC phổ thông trong mối quan hệ với các môn học khác, cũng như trong toàn bộ Chương trình giáo dục phổ thông.	2.4.5. Giải thích được vị trí của từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn GDTC phổ thông theo logic hình thành hệ thống tri thức TĐTT của loài người.
		3.1. Nhận biết được vai trò của TĐTT trong thế giới ngày nay.	3.1.1. Giải thích, luận giải được vai trò của TĐTT trong thế giới ngày nay.
			3.1.2. Nhận biết được những ngành nghề gắn với TĐTT và giá trị của nó.
			3.1.3. Góp phần tạo dựng được năng lực giáo dục cho người học để người học giúp học sinh phổ thông có những hiểu biết tương đối tổng quát về các ngành nghề gắn với môn GDTC, làm cơ sở cho định hướng nghề nghiệp sau cấp THCS/THPT và có ham thích tự tìm hiểu những vấn đề liên quan đến TĐTT trong suốt cuộc đời.
Tiêu chí 3: Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức TĐTT vào thực tiễn			

	<p>3.2. Giải thích được nguồn gốc thực tiễn của các khái niệm trong lĩnh vực TĐTT.</p>	<p>3.2.1. Giải thích được nguồn gốc thực tiễn của mỗi một khái niệm trong lĩnh vực TĐTT thông qua việc mô tả được những hiện tượng phổ quát trong tự nhiên, trong thực tiễn đời sống của con người dẫn tới các khái niệm trong lĩnh vực TĐTT đó (sau quá trình khái quát hóa và hình thành mô hình TĐTT).</p>
		<p>3.2.2. Giải thích được mục đích của mỗi một khái niệm trong lĩnh vực TĐTT (khái niệm trong lĩnh vực TĐTT đó phục vụ cho sự phát triển nội tại của TĐTT, cho việc giải thích hay mô tả các hiện tượng tự nhiên-xã hội,...).</p>
		<p>3.2.3. Giải thích được những cơ hội vận dụng khái niệm trong lĩnh vực TĐTT trong giải quyết vấn đề thực tiễn.</p>
	<p>3.3. Vận dụng được tiến trình sử dụng kiến thức TĐTT để giải quyết các vấn đề thực tiễn.</p>	<p>3.3.1. Vận dụng được tiến trình ba bước sử dụng kiến thức TĐTT để giải quyết các vấn đề thực tiễn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất phát từ vấn đề thực tiễn để mô hình hóa (trừu tượng hóa) thành vấn đề TĐTT (trừu tượng) tương thích. - Sử dụng các công cụ TĐTT để giải quyết vấn đề TĐTT trong mô hình đó. - Từ những kết quả thu được trong mô hình TĐTT quay trở lại giải quyết vấn đề thực tiễn đã đặt ra ban đầu.
		<p>3.3.2. Thiết kế được các bài tập, các dự án học tập TĐTT có nội dung thực tiễn, đặc biệt thiết kế được các hoạt động thực hành và trải nghiệm trong Chương trình môn GDTC phổ thông, tạo cơ hội giúp học sinh phổ thông vận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của bản thân vào thực tiễn một cách sáng tạo.</p>
	<p>3.4. Vận dụng được tri thức giáo dục tổng quát và tri thức TĐTT vào việc hình thành và phát triển năng lực chung và năng</p>	<p>3.4.1. Vận dụng được tri thức giáo dục tổng quát và tri thức TĐTT vào việc hình thành và phát triển năng lực chung và năng lực sư phạm cho người học.</p>
		<p>3.4.2. Vận dụng được tri thức giáo dục tổng quát và tri thức TĐTT vào việc hình thành và phát triển năng lực</p>

	<p>lực sư phạm, đặc biệt là năng lực dạy học môn GDTC ở nhà trường phổ thông, cho người học.</p>	<p>dạy học môn GDTC ở nhà trường phổ thông cho người học.</p> <p>3.4.3. Vận dụng được tri thức giáo dục tổng quát và tri thức TĐTT vào việc hình thành và phát triển năng lực thực hiện giáo dục STEM, gắn với xu hướng phát triển hiện đại của kinh tế, khoa học, đời sống xã hội và những vấn đề cấp thiết có tính toàn cầu (như biến đổi khí hậu, phát triển bền vững,...).</p>
<p>Tiêu chí 4: Năng lực nghiên cứu TĐTT và khoa học giáo dục TĐTT</p>	<p>4.1. Tạo dựng được một nền tảng tri thức TĐTT vững chắc ở mức độ học vấn TĐTT bậc đại học.</p>	<p>4.1.1. Tạo dựng được một nền tảng tri thức TĐTT cơ bản ở mức độ học vấn TĐTT bậc đại học.</p> <p>4.1.2. Đối với những sinh viên khá và giỏi, tạo dựng được một nền tảng tri thức TĐTT vững chắc (về năng lực thể chất và kiến thức TĐTT) để theo học được hệ đào tạo sau đại học của các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.</p>
	<p>4.2. Thực hiện được nghiên cứu khoa học cơ bản dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p>	<p>4.2.1. Nhận biết được vấn đề nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p>
		<p>4.2.2. Xây dựng được đề cương nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p>
		<p>4.2.3. Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu; thực hiện được nghiên cứu theo đề cương dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p>
		<p>4.2.4. Phân tích và đánh giá được kết quả nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p>
	<p>4.2.5. Công bố và ứng dụng được kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p>	
	<p>4.3. Tạo dựng được một nền tảng tri thức vững chắc về khoa học giáo dục TĐTT ở mức độ học vấn TĐTT bậc đại học.</p>	<p>4.3.1. Tạo dựng được một nền tảng tri thức cơ bản về khoa học giáo dục TĐTT (các lý thuyết học tập và ứng dụng vào lý luận dạy học môn GDTC; những nội dung cơ bản về PPDH môn GDTC; dạy học phát triển năng lực cho học sinh), ở mức độ học vấn TĐTT bậc đại học.</p> <p>4.3.2. Đối với những sinh viên khá và giỏi, tạo dựng được một nền tảng tri thức vững chắc về khoa học giáo</p>

		dục TDTT để theo học được hệ đào tạo sau đại học của các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.
	4.4. Thực hiện được nghiên cứu khoa học giáo dục TDTT dưới sự hướng dẫn của giáo viên.	4.4.1. Nhận biết được vấn đề nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên. 4.4.2. Xây dựng được đề cương nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên. 4.4.3. Vận dụng được những phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục TDTT để thực hiện được nghiên cứu theo đề cương dưới sự hướng dẫn của giáo viên. 4.4.4. Phân tích và đánh giá được kết quả nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên. 4.4.5. Công bố và ứng dụng được kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
Tiêu chí 5: Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	5.1. Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ.	5.1.1. Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ: - Hoặc cấp độ B1 của Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương. - Hoặc bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
	5.2. Sử dụng được các tài liệu bằng tiếng nước ngoài nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập.	5.2.1. Đọc được, hiểu được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài.
		5.2.2. Viết được, trình bày được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài liên quan đến nội dung học tập: viết được đề và lời giải của bài tập, soạn được bản thuyết trình,...
	5.2.3. Biết lựa chọn, tự điều chỉnh tiếng nước ngoài trong chuyên ngành và nước ngoài giao tiếp từ nguồn tài liệu đã có.	
Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong	6.1. Sử dụng và quản lí được các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.	6.1.1. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng.
		6.1.2. Sử dụng và quản lí được các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông thông dụng như: máy tính, máy chiếu, máy chiếu lập thể, phần mềm và

hoạt động chuyên môn		TDDT, phần mềm hỗ trợ học tập,... nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập.
		6.1.3. Phát triển được năng lực TDDT với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.
		6.1.4. Ứng xử phù hợp trong môi trường số như: giải thích được một số quy định cơ bản liên quan đến quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên số, tôn trọng bản quyền và quyền an toàn thông tin của người khác; hiểu và ứng xử có văn hoá trong thế giới ảo; sử dụng được cách thông dụng bảo vệ thông tin cá nhân và cộng đồng, tránh tác động tiêu cực tới bản thân và cộng đồng; có ý thức tự bảo vệ sức khoẻ trong khai thác và ứng dụng ICT,...
6.2. Khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lí được các nguồn tài nguyên thông tin.	6.2.1. Khai thác được các dịch vụ tra cứu và trao đổi thông tin, các nguồn học liệu mở để cập nhật kiến thức, hỗ trợ học tập và tự học.	
	6.2.2. Nhận biết được tầm quan trọng của thông tin và xử lí thông tin trong xã hội hiện đại, tìm kiếm được thông tin từ nhiều nguồn với các chức năng đơn giản của công cụ tìm kiếm, đánh giá được sự phù hợp của thông tin và dữ liệu đã tìm thấy nhằm hỗ trợ người học trong học tập, tự học và tìm kiếm cơ hội việc làm.	
	6.2.3. Thực hiện được các hoạt động hợp tác trong môi trường số như: lựa chọn và sử dụng được các công cụ, các dịch vụ ICT thông dụng để chia sẻ, trao đổi thông tin và hợp tác một cách an toàn; giao lưu được trong xã hội số một cách văn hoá; có khả năng làm việc nhóm, hợp tác được trong việc tạo ra, trình bày và giới thiệu được sản phẩm số,...	
6.3. Sử dụng được CNTT và truyền thông trong dạy học – giáo dục.	6.3.1. Sử dụng được CNTT và truyền thông trong dạy học-giáo dục: soạn được giáo án, soạn được đề kiểm tra, tài liệu hướng dẫn học sinh,... bằng phần mềm PowerPoint.	
	6.3.2. Sử dụng được các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông thông dụng như: máy tính, máy	

		chiếu, máy chiếu lập thể,... trong việc trình bày bài giảng, báo cáo, bài thuyết trình.
		6.3.3. Sử dụng được các phần mềm chỉnh sửa ảnh và làm phim để tạo ra sản phẩm số phục vụ dạy học và giáo dục.
		6.3.4. Sử dụng được các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ thực hiện giáo dục STEM.
		6.3.5. Có những hiểu biết về hệ sinh thái học tập trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng 4.0 (Giáo dục 4.0) để tham gia được vào Giáo dục 4.0 trong tương lai.